

Số: /HD-SGDĐT

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2023

HƯỚNG DẪN

Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024

Thực hiện Quyết định số 2457/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục, Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) và thống kê giáo dục năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục quán triệt các văn bản chỉ đạo trọng tâm về CNTT, CDS và thống kê giáo dục; thống nhất trong nhận thức đầy đủ, toàn diện về chủ trương CDS của Trung ương, của tỉnh và toàn ngành Giáo dục; tập trung xây dựng và hoàn thiện các nền tảng, tiếp tục khơi gợi sự sáng tạo đột phá để ứng dụng CNTT và CDS mạnh mẽ trong mọi hoạt động của ngành (*danh mục các văn bản tại Phụ lục kèm theo*).

2. Tiếp tục hoàn thành đầu tư, chuyển giao các nền tảng CDS dùng chung của toàn ngành để triển khai áp dụng có hiệu quả trong các cơ sở giáo dục, góp phần thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước thay đổi phương thức quản lý, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá; xây dựng môi trường giáo dục linh hoạt, thích ứng, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ chung của toàn ngành Giáo dục.

3. Đổi mới nội dung, hình thức, qui mô công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng kỹ năng sử dụng CNTT, đặc biệt các kỹ năng số, nhận thức về CDS trong mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu mới; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số dành cho học sinh, đặc biệt học sinh trung học góp phần phổ cập kỹ năng số trong toàn ngành, tạo nguồn lực có chất lượng để trực tiếp hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục theo Kế hoạch¹ CDS của ngành gắn với chủ động rà soát, tăng cường các điều kiện để ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục theo Bộ chỉ số² đánh

¹ Kế hoạch số 72/KH-SGDĐT ngày 29/9/2021 của Sở GDĐT

² Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT

giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên do Bộ GDĐT ban hành, năm học 2023-2024 toàn ngành tập trung triển khai, tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Tiếp tục duy trì, đa dạng hóa các hình thức dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới phương pháp dạy học

a) Tổ chức dạy học trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT phù hợp với điều kiện của mỗi cơ sở giáo dục nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới phương pháp dạy – học và từng bước bổ sung, hoàn thiện các kỹ năng dạy học trong kỷ nguyên số.

b) Tiếp tục duy trì và áp dụng có hiệu quả các nền tảng hỗ trợ quản lý học tập (LMS) trong kết nối và tổ chức các hoạt động giáo dục giữa cơ sở giáo dục, giáo viên với học sinh trong việc hướng dẫn học sinh tự học, kiểm tra đánh giá và phối hợp với gia đình; có lộ trình kết nối, tích hợp, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị ở cơ sở giáo dục.

c) Tiếp tục phát triển học liệu số bảo đảm chất lượng: Huy động giáo viên tham gia xây dựng, đóng góp học liệu số để chia sẻ dùng chung trên nền tảng chung của ngành; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng; hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số được giới thiệu từ Bộ GDĐT và các nguồn tài nguyên tin cậy trên Internet.

d) Tăng cường tổ chức đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; từng bước tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên máy tính đảm bảo khách quan, công bằng và có độ tin cậy cao.

e) Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu (CSDL) số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

2. Tiếp tục triển khai phần mềm quản trị trong các cơ sở giáo dục, kết nối thông suốt với CSDL ngành của tỉnh

a) Tiếp tục triển khai nền tảng quản trị cơ sở giáo dục tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục theo định hướng, lộ trình triển khai của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

b) Tiếp tục rà soát, đánh giá, hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy định về quản lý hồ sơ, sổ sách điện tử tích hợp trên hệ thống CSDL ngành của tỉnh, đồng bộ với CSDL ngành của Bộ GDĐT. Triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và cổng thông tin giáo dục.

c) Đẩy mạnh áp dụng các nền số để hỗ trợ đổi mới quản lý trong nội bộ các đơn vị nhằm nâng cao mức độ CDS, đơn giản hóa quy trình tác nghiệp, điều hành và tiết kiệm thời gian dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị.

3. Tiếp tục duy trì, cập nhật thường xuyên, thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo trên hệ thống CSDL toàn ngành tại địa chỉ <http://csdl.bacgiang.edu.vn> nhằm hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý đầy đủ, chính xác và kịp thời

Quản trị, triển khai và tổ chức thực hiện kịp thời các văn bản, chỉ đạo của Sở GDĐT về duy trì, rà soát, cập nhật dữ liệu lên hệ thống.

Tiếp tục triển khai ứng dụng toàn diện phần mềm QLNT tích hợp, đồng bộ với CSDL ngành của tỉnh nhằm hoàn thiện nền tảng CSDL sẵn sàng đồng bộ với các hệ thống CSDL dùng chung, CSDL mở của tỉnh, Bộ GDĐT.

Duy trì áp dụng các hồ sơ, sổ sách điện tử theo các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT cũng như các quy định liên quan của Bộ GDĐT.

Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo trên hệ thống CSDL ngành theo văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT, phòng GDĐT.

Cán bộ được giao quản trị phần mềm của đơn vị có trách nhiệm tham gia các nhóm hỗ trợ trực tuyến của ngành để kịp thời cập nhật, chia sẻ kinh nghiệm trong suốt quá trình sử dụng hệ thống.

4. Đẩy mạnh triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục gắn với triển khai thực hiện tốt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025”

Căn cứ điều kiện thực tiễn, tiếp tục triển khai có hiệu quả nội dung hướng dẫn thực hiện các dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng của ngành Giáo dục, trong đó tập trung một số dịch vụ Công trực tuyến thường xuyên phát sinh trong thực tế như:

- Dịch vụ đăng ký thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia;
- Dịch vụ đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào đại học trên Cổng dịch vụ công Quốc gia;
- Dịch vụ trực tuyến về xét tuyển học sinh đầu cấp (mầm non, lớp 1, lớp 6);
- Dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ;
- Các dịch vụ công thuộc phạm vi, chức năng của ngành mà người dân, tổ chức thường xuyên có nhu cầu thực hiện.

Xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng đào tạo, tập huấn sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với 100% học sinh đủ điều kiện sẵn sàng hướng dẫn, hỗ trợ người thân và nhân dân cài đặt, kích hoạt tài khoản định danh điện tử và biết cách thực hiện

dịch vụ công bằng tài khoản định danh điện tử đã kích hoạt.

Thực hiện có chất lượng nội dung chỉ đạo của Sở GDĐT về giảng dạy 05 nội dung kỹ năng số cơ bản vào tiết học ngoại khoá cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh; tập huấn cho 100% giáo viên trong toàn ngành sử dụng thành thạo 05 nội dung kỹ năng số cơ bản để tăng cường, hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng, bao gồm:

- Sử dụng dịch vụ công trực tuyến;
- Mua sắm trực tuyến;
- Thanh toán trực tuyến;
- Tự bảo vệ mình trên không gian mạng;
- Sử dụng các nền tảng số tùy đặc thù của địa phương.

5. Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt

Tiếp tục triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT thực hiện Kế hoạch 2281/KH-UBND ngày 22/5/2022 của UBND tỉnh về thúc đẩy CDS, thanh toán không dùng tiền mặt.

Đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai áp dụng các hình thức thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; từng bước kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy nòng cốt triển khai ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục trong toàn ngành. Thủ trưởng đơn vị là người chỉ đạo toàn diện, giao cho 01 lãnh đạo và 01 cán bộ đầu mối hỗ trợ trong công tác chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ.

b) Cán bộ đầu mối các đơn vị duy trì liên hệ thường xuyên với bộ phận đầu mối của phòng GDĐT (đối với cơ sở thuộc phòng GDĐT) và Sở GDĐT (đối với đầu mối phòng GDĐT và các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT). Chủ động liên hệ Tổ CNTT (qua hòm thư điện tử tocntt@bacgiang.edu.vn) của Sở GDĐT để gia nhập nhóm Ứng dụng CNTT, CDS của ngành nhằm kịp thời cập nhật thông tin, định hướng và phối hợp trong triển khai nhiệm vụ.

c) Triển khai tập huấn giáo viên bằng hình thức kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo 100% giáo viên được cấp tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên. Sau khi ngành xây dựng nền tảng LMS, thường xuyên triển khai các hoạt động bồi dưỡng phù hợp, đáp ứng yêu cầu CDS.

d) Tiếp tục phối hợp với các đơn vị có năng lực, triển khai các khóa bồi

dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và CDS cho 100% giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và CDS trong cơ sở giáo dục, chú trọng tới một số chủ đề như: Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; kỹ năng thiết kế bài giảng e-Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số; kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục; nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin.

2. Rà soát, hoàn thiện các văn bản, kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS của đơn vị: Qua rà soát, một số phòng GDĐT, nhiều cơ sở giáo dục chưa quan tâm tới công tác xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS hàng năm, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 dẫn tới việc tổ chức, triển khai mang tính thụ động, thiếu đồng bộ, trùng chéo... do đó, cần khắc phục ngay thông qua việc rà soát, bổ sung và hoàn thiện kế hoạch của đơn vị. Nội dung cần xác định mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể triển khai trong từng năm học; căn cứ thực tiễn địa phương, đơn vị, đề ra các giải pháp nhằm tăng cường các nguồn lực đầu tư cho ứng dụng CNTT và CDS; kết hợp có hiệu quả giữa đầu tư với thuê dịch vụ CNTT, CDS và hợp tác với các doanh nghiệp, tập đoàn công nghệ có uy tín, năng lực hỗ trợ triển khai.

3. Tăng cường công tác thể chế: Ban Chỉ đạo CDS của Sở GDĐT tăng cường rà soát và hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT do Sở GDĐT chủ trì; kịp thời bổ sung, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn toàn ngành bổ sung các văn bản, quy định liên quan hỗ trợ các hoạt động ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục theo quy định hiện hành; đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu, an toàn thông tin, an ninh mạng.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, CDS giáo dục

a) Các đơn vị chủ động rà soát và đề xuất mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyên đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; phối hợp các đơn vị cung cấp hạ tầng viễn thông nâng cấp đường truyền, phấn đấu tối thiểu đạt tỷ lệ 0,25 Mbps/01 học sinh nhằm đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động dạy, học, kiểm tra đánh giá trực tiếp, trực tuyến.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân. Đồng thời lồng ghép, giáo dục các nội dung về các quy tắc ứng xử trên môi

trường mạng, các quy định về an toàn, an ninh mạng.

c) Bên cạnh việc chủ động tham mưu các cấp quản lý ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh, tổ chức huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên ở những nơi còn khó khăn; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G) cho học sinh, giáo viên và nhà trường để dạy học trực tuyến.

5. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT, CDS trong các hoạt động GDĐT và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày CDS quốc gia, của tỉnh vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đánh giá việc chuẩn bị các điều kiện đảm bảo về nhân lực, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị và việc triển khai ứng dụng CNTT, CDS, công tác thống kê trong giáo dục.

7. Căn cứ kết quả đánh giá mức độ CDS³, đối chiếu với thực tế của đơn vị, thủ trưởng các đơn vị xây dựng Kế hoạch nâng cao mức độ chuyển đổi số của đơn vị gắn với đề xuất cấp quản lý trực tiếp quan tâm, đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất để thực hiện CDS kết hợp với huy động các nguồn lực hỗ trợ hợp pháp, thường xuyên chỉ đạo, rà soát bảo đảm mức độ CDS của đơn vị. Xác định mức độ CDS của mỗi cơ sở giáo dục là nền tảng, cơ sở đánh giá mức độ CDS của các phòng GDĐT và toàn ngành Giáo dục.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng thuộc Sở GDĐT (Ban Chỉ đạo CDS⁴)

Theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực được giao, thường xuyên chỉ đạo, bám sát, hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị, cơ sở giáo dục thực hiện tốt các nội dung thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục năm học 2023-2024.

Duy trì hoạt động hiệu quả các thành viên, Tổ Thư ký theo phân công⁵.

Trong quá trình thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, định kỳ, đột xuất... phải gắn nội dung đánh giá việc thực hiện các nội dung về ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục theo Hướng dẫn này.

Văn phòng Sở GDĐT chịu trách nhiệm đầu mối phối hợp các phòng thuộc Sở GDĐT tham mưu lãnh đạo Sở đôn đốc, chỉ đạo triển khai, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung theo Hướng dẫn; tham mưu Lãnh đạo Sở, chỉ đạo toàn ngành triển khai có hiệu quả các Đề án và kế hoạch CNTT, CDS của toàn ngành.

2. Phòng GDĐT các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT

³ Thông báo số 79/TB-SGDĐT ngày 04/7/2023 của Sở GDĐT

⁴ Quyết định số 27/QĐ-SGDĐT ngày 18/01/2022 của Sở GDĐT

⁵ Quyết định số 180/QĐ-BCĐ ngày 07/3/2022 của Ban Chỉ đạo CDS Sở GDĐT

Căn cứ các nội dung tại Hướng dẫn này, phòng GDĐT các huyện, thành phố xây dựng hướng dẫn (bằng văn bản) các đơn vị, cơ sở giáo dục trực thuộc cụ thể hóa thành kế hoạch của từng đơn vị **xong trước ngày 15/9/2023**; các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện của đơn vị trong năm học 2023-2024 **xong trước 15/9/2023**.

Văn bản hướng dẫn và kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục do phòng GDĐT, các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT xây dựng phải **gửi 01 bản** về Thường trực Ban Chỉ đạo CDS của Sở GDĐT qua hòm thư điện tử tocntt@bacgiang.edu.vn **trước thời hạn nêu trên** để theo dõi, tổng hợp. Việc gửi chậm, muộn hoặc không gửi sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả đánh giá mức độ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục của đơn vị.

3. Chế độ thông tin báo cáo

Các đơn vị thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quy định về chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu; báo cáo sơ kết (dự kiến trước ngày 15/01/2024) và tổng kết năm học (dự kiến trước ngày 31/5/2024) theo văn bản hướng dẫn riêng của Sở GDĐT.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2023-2024 của Sở GDĐT, quá trình triển khai, tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị trao đổi về Sở GDĐT (qua Văn phòng) để phối hợp, tham mưu Lãnh đạo Sở GDĐT chỉ đạo và kịp thời tháo gỡ./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
 - Thường trực BCĐ CDS tỉnh (để báo cáo);
 - UBND các huyện, thành phố (để phối hợp);
 - Lãnh đạo Sở GDĐT, Lãnh đạo CĐN;
 - Các phòng thuộc Sở GDĐT;
 - Phòng GDĐT các huyện, thành phố;
 - Các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT;
 - Công TTĐT Sở GDĐT.
 - Lưu: VT, VP._{Long}.
- } (để thực hiện)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Thêm

Phụ lục
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN TRIỂN KHAI VỀ ỨNG DỤNG CNTT, CDS
VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-SGDĐT ngày /8/2023 của Sở GDĐT)

I. CÁC VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

1. Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;
2. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
3. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
4. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân
5. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
6. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025";
7. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
8. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
9. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030";
10. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;
11. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;
12. Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng;
13. Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

14. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

15. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

16. Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục;

17. Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống CSDL ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

18. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

19. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

20. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Quy định về CSDL giáo dục và đào tạo;

21. Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của CSDL giáo dục và đào tạo.

22. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ CDS của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

II. CÁC VĂN BẢN CỦA TỈNH

*** Năm 2016**

Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

*** Năm 2017**

Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của UBND tỉnh ban hành Đề án đẩy mạnh dạy tin học và ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.

*** Năm 2018**

Công văn số 1330/SGDĐT-VP ngày 25/12/2018 của Sở GDĐT triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông.

*** Năm 2019**

1. Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 29/3/2019 về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

2. Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị quyết 433-NQ/TU ngày 04/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển công nghệ thông tin (CNTT) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025.

3. Kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 10/4/2019 của Sở GDĐT triển khai thực hiện kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng ban chỉ đạo chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang;

4. Kế hoạch số 43/KH-SGDĐT ngày 22/7/2019 của Sở GDĐT triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 433-NQ/TU ngày 04/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025.

*** Năm 2020:**

1. Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang năm 2030;

2. Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

*** Năm 2021:**

1. Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

2. Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

3. Kế hoạch số 72/KH-SGDĐT ngày 29/9/2021 của Sở GDĐT về thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

*** Năm 2022:**

1. Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

2. Kế hoạch số 1879/KH-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Thủ tướng Chính phủ;

3. Kế hoạch 56/KH-SGDĐT ngày 23/6/2022 của Sở GDĐT về nâng cao chỉ số chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2022 và các năm tiếp theo;

4. Kế hoạch số 61/KH-SGDĐT ngày 06/7/2022 của Sở GDĐT về tuyên truyền nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin năm 2022 và giai đoạn 2022-2025

*** Năm 2023:**

1. Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 28/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác

thực điện tử phục vụ CĐS quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2023 và những năm tiếp theo;

2. Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 02/7/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

3. Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 17/8/2023 của UBND tỉnh về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

4. Kế hoạch số 62/KH-SGDĐT ngày 10/7/2023 của Sở GDĐT triển khai thực hiện Kế hoạch 117/KH-UBND ngày 02/7/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân./.